

か
5課
にほんご にゅうりよく
日本語で 入力する
Đánh máy bằng tiếng Nhật



もくひょう
目標
Mục tiêu

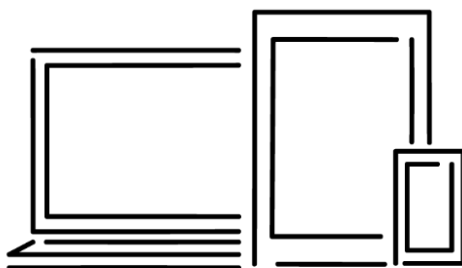
1. ひらがなや カタカナを よみます
Đọc hiragana và katakana
2. ローマ字が わかります
Hiểu được romaji
3. ひらがなや カタカナを にゅうりよく 入力します
Đánh máy hiragana hoặc katakana
4. メールを おくります
Gửi e-mail
5. オンラインで もうしこみます
Đăng ký trực tuyến

0.

べんきょうの まえに
Trước khi vào bài học

パソコンや タブレットを よく つかいますか。

Bạn có thường xuyên sử dụng máy tính hoặc máy tính bảng không?



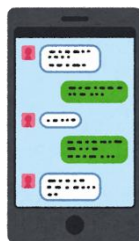
にほんご

日本語で メールや チャットを しますか。

Bạn có gửi email hoặc nhắn tin bằng tiếng Nhật không?



エスエヌエス
Mạng xã hội



チャット
nhắn tin chat chít



ウェブサイト
trang web



メール
thư điện tử email



けんさくします
tìm kiếm



メールを おくります
Gửi e-mail

1.

ひらがなや カタカナを よみます
Đọc hiragana và katakana

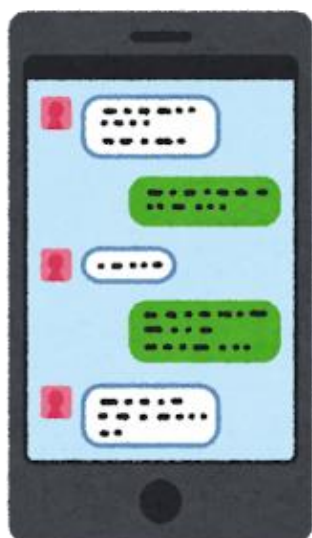
ひらがなや カタカナを よみます
Đọc hiragana và katakana

また あした！
mata ashita!

ありがとうございます

だいじょうぶ？

よろしくおねがいします



おつかれ
さまでした



ハッピー
バースデー!



スタンプ sutanpu
biểu tượng vui

よくつかう メッセージや スタンプが ありますか。

Bạn có tin nhắn hay biểu tượng vui nào thường sử dụng không?

2.

ローマ字が わかります
Hiểu được romaji

ローマ字を よみます
Đọc romaji

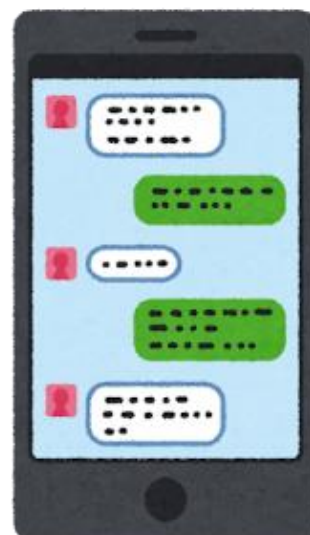
Mata ashita!
また あした!

Arigatou gozaimasu

oyasuminasai

Yoroshiku onegaishimasu

Omedetou gozaimasu!



にほんごで おくりたいメッセージが ありますか。
Bạn có tin nhắn nào muốn gửi bằng tiếng Nhật không?

ローマじ にゅうりよくひょう
Bảng nhập chữ romaji

ローマじで どう かきますか
Rooma-ji de doo kakimasuka

さ く ら



あ	い	う	え	お
A	I	U	E	O
か	き	く	け	こ
KA	KI	KU	KE	KO
さ	し	す	せ	そ
SA	SHI	SU	SE	SO
た	ち	つ	て	と
TA	CHI	TSU	TE	TO
な	に	ぬ	ね	の
NA	NI	NU	NE	NO
は	ひ	ふ	へ	ほ
HA	HI	FU	HE	HO
ま	み	む	め	も
MA	MI	MU	ME	MO
や		ゆ		よ
YA		YU		YO
ら	り	る	れ	ろ
RA	RI	RU	RE	RO
わ				を
WA				WO
ん				
NN				

が	ぎ	ぐ	げ	ご
GA	GI	GU	GE	GO
ざ	じ	ず	ぜ	ぞ
ZA	JI	ZU	ZE	ZO
だ	ぢ	づ	で	ど
DA	DI	DU	DE	DO

ば	び	ぶ	べ	ぼ
BA	BI	BU	BE	BO
ぱ	ぴ	ぷ	ぺ	ぽ
PA	PI	PU	PE	PO

きゃ	きゅ	きょ	ぎゃ	ぎゅ	ぎょ
KYA	KYU	KYO	GYA	GYU	GYO
しゃ	しゅ	しょ	じゃ	じゅ	じょ
SHA	SHU	SHO	JA	JU	JO
ちゃ	ちゅ	ちょ	ぢゃ	ぢゅ	ぢょ
CHA	CHU	CHO	DYA	DYU	DYO
にゃ	にゅ	にょ			
NYA	NYU	NYO			
ひゃ	ひゅ	ひょ	びゃ	びゅ	びょ
HYA	HYU	HYO	BYA	BYU	BYO
みゃ	みゅ	みょ	ぴゃ	ぴゅ	ぴょ
MYA	MYU	MYO	PYA	PYU	PYO
りゃ	りゅ	りょ			
RYA	RYU	RYO			



3.

ひらがなや カタカナを ^{にゅうりよく} 入 力 します
 Đánh máy hiragana hoặc katakana

ひらがなや カタカナを にゅうりよくします
 Đánh máy hiragana hoặc katakana

1. ローマじて「SAKURA」を にゅうりよく します。

Nhập "SAKURA" bằng chữ romaji.



2. へんかんキーを おします。

Nhấn phím chuyển đổi.



3. かんじ、ひらがな、カタカナ、どれが いいですか。
 へんかんキーで えらびます。

Chọn loại chữ nào: hán tự, hiragana hay katakana?

Chọn bằng phím chuyển đổi..

桜
 さくら
 サクラ

4. エンターキーを おします。

Nhấn phím enter.



バックスペース / phím backspace

にほんご ⇄ アルファベット

エンター / phím enter



スペース / phím space

へんかん / phím chuyển đổi

むずかしい にゅうりよく những kí hiệu khó đánh máy



ながい おと trường âm	= -ほ れい) メール ⇒ ME - RU スーパー ⇒ SU - PA -
○	>。 ・る 文のさいごに「。」を つけます。 Đặt dấu chấm「。」 vào cuối câu.
ちいさい「っ」 chữ 「っ」tsu nhỏ	れい) きて ⇒ KI T TE エコバッグ ⇒ E KO BA G GU
ちいさい「あいうえお」 chữ 「あいうえお」 a/i/u/e/o nhỏ	L+A・I・U・E・O / X+A・I・U・E・O れい) パーティー ⇒ PA - TE LI - / PA - TE XI -
ちいさい「やゆよ」 chữ 「やゆよ」 ya/yo/yo nhỏ	きゃ⇒KYA きゅ⇒KYU きょ⇒KYO れい) きょう ⇒ KYO U りょう ⇒ RYO KO U
ん	NN れい) りんご ⇒ RI NN G O ほん ⇒ HO NN
を	WO れい) とけい を かいました。 ⇒ TOKEI WO KAIMASHITA.

にほんごを にゅうりよくしてみましょう。

Hãy thử đánh máy tiếng Nhật



- ① ひらがな「あ」から「ん」まで / Hiragana từ 「あ」"a" đến 「ん」"n"
- ② カタカナ「ア」から「ン」まで / Katakana từ 「ア」"a" đến 「ン」"n"
- ③ ありがとう!
- ④ おはようございます
- ⑤ なまえ / tên
- ⑥ じゅうしょ(ローマじ、かんじ) / Địa chỉ (romaji, hán tự) của bạn
- ⑦ あなたの すきな にほんご
/ Từ hay câu tiếng Nhật yêu thích của bạn

にほんごで にゅうりよくできたら してみたいことが ありますか。

Có việc gì bạn muốn làm nếu có thể đánh máy tiếng Nhật không?

4.

メールを おくります
Gửi e-mail

にほんごのメール Email tiếng Nhật



宛先 nihongo@net.hyogo-ip.or.jp
CC
BCC
件名 あしたのクラス
たなか先生、 こんにちは、日本語クラスのノイです。 わたしのこどもは ねつが あります。 あしたのあさ びょういんへ いきます。 あした 日本語クラスを やすみます。すみません。 ノイ
送信

メールアドレス / địa chỉ email

宛先 あてさき / địa chỉ email người nhận

件名 けんめい / tiêu đề của email

送信 そうしん / gửi đi

こどもは ねつが あります / Con tôi bị sốt

クラスを やすみます / Tôi xin nghỉ học

メールを かきます Viêt email

宛先
CC
BCC
件名
送信

あなたのくにでは、ちこくするときや クラスをやすむとき、メールやでんわを しますか。

Ở đất nước của bạn, bạn có nhắn tin hoặc gọi điện khi đi học muộn hoặc vắng mặt không?

5.

オンラインで もうしこみます
Đăng ký trực tuyến

もうしこみフォームに にゅうりょくします
Điền vào mẫu đơn đăng kí



オンラインにほんごきょうしつ もうしこみフォーム

おなまえ (必須)	
フリガナ (必須)	
国 <に	
年齢 ねんれい	☐ 10代 ☐ 20代 ☐ 30代 ☐ 40代 ☐ 50代 ☐ 60代~
メールアドレス (必須)	@
電話番号 でんわばんごう	- -
住所 じゅうしょ (必須)	
きぼうのクラス (必須)	☐ A ☐ B ☐ C ☐ D ☐ E ☐ F

送信

もうしこみ / đăng kí

